

Số: **565**/KL-TTr

Hà Nội, ngày **21** tháng 11 năm 2019

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động
tại Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam

Thực hiện Quyết định số 504/QĐ-TTr ngày 19/9/2019 của Chánh Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động tại Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam; ngày 27/9, ngày 01/10, ngày 07/10, ngày 11/10 và ngày 17/10/2019, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Văn phòng Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, Chi nhánh Tổng công ty Hàng hải Việt Nam tại Hải Phòng (sau đây gọi tắt là chi nhánh Hải Phòng), Chi nhánh Tổng công ty Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là chi nhánh Hồ Chí Minh), thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2017 đến thời điểm thanh tra;

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 23/10/2019 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên doanh nghiệp: Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH Một thành viên – 100% vốn nhà nước.
- Năm thành lập: 1995
- Tên cơ quan chủ quản: Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100104595 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/7/2010, thay đổi lần thứ 05 ngày 13/10/2015.
- Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chủ yếu: Khai thác cảng biển, cảng sông; kinh doanh dịch vụ kho, bãi; kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy.
- Cơ cấu tổ chức, bộ máy của doanh nghiệp: Hội đồng thành viên là đại diện chủ sở hữu tại Tổng công ty, Kiểm soát viên, Ban kiểm soát nội bộ, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc; 07 đơn vị thành viên, đơn vị hạch toán phụ thuộc; 01 Công ty thành viên hạch toán độc lập; 04 Công ty con; 20 Công ty cổ phần, Công ty TNHH hai thành viên trở lên; 08 Công ty liên kết. Trong cơ cấu các doanh nghiệp thành viên nêu trên có: 04 doanh nghiệp đang thực hiện thủ tục phá sản (Công ty xuất nhập khẩu vật tư đường biển; Công ty TNHH MTV Vận tải viễn dương Vinashin; Công ty TNHH MV Công nghiệp tàu thủy Cà Mau; Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Việt Nam; 01 doanh nghiệp đang thực hiện giải thể là Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines - Đông Đô).
- Điện thoại giao dịch: 043577.08250; Fax: 0843.5770850.

- Trụ sở chính của doanh nghiệp: Số 01 Đào Duy Anh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp tính đến tháng 8/2019: 1.240 người, trong đó có 247 nữ.

- Tổng số người làm việc tại Văn phòng Tổng công ty tính đến tháng 8/2019: 179 người, trong đó có 94 nữ.

- Tổng số người làm việc tại các chi nhánh, đơn vị hạch toán phụ thuộc tính đến tháng 8/2019: 1.061 người, trong đó có 153 nữ.

- Tổng số người làm việc tại công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ tính đến tháng 8/2019: 10.057 người, trong đó có 1.425 nữ.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG ĐÃ ĐƯỢC DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 6 tháng đầu năm và hàng năm với chủ sở hữu, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Văn phòng Công mẹ).

- Đã báo cáo định kỳ (06 tháng, hàng năm) về công tác an toàn vệ sinh lao động, tình hình tai nạn lao động với chủ sở hữu, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương (Văn phòng Công mẹ, chi nhánh Hồ Chí Minh).

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ hàng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương (Văn phòng Công ty mẹ; Chi nhánh Hồ Chí Minh).

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

** Tại Văn phòng Công ty mẹ*

- Các đơn vị đã xây dựng quy trình tuyển dụng lao động quy định: Tại văn bản VNL-01-03-QT ngày 20/7/2003.

- Đã xây dựng quy trình đào tạo và quy định về chế độ đào tạo cán bộ, viên chức cơ quan Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

- Về ký kết hợp đồng lao động: Tổng Giám đốc Tổng Công ty (người đại diện theo pháp luật) ký hợp đồng lao động với người lao động.

** Tại chi nhánh Hải Phòng và chi nhánh Hồ Chí Minh*

- Trong thời kỳ thanh tra, các chi nhánh tuyển dụng 03 lao động.

- Chi nhánh Hải Phòng đã xây dựng quy chế tuyển dụng lao động và ban hành kèm theo quyết định số 49/QĐ-VNLHP 25/12/2017 của Giám đốc và thực hiện theo quy chế tuyển dụng.

- Chi nhánh Hồ Chí Minh đã xây dựng quy chế tuyển dụng lao động và ban hành kèm theo Quyết định số 09/QĐ-VNLHCM 01/6/2015 của Giám đốc và thực hiện theo quy chế tuyển dụng, cụ thể: Chi nhánh ban hành thông báo tuyển dụng và niêm yết tại trụ sở, đăng báo, sau đó áp dụng hình thức thi tuyển.

- Các chi nhánh ban hành thông báo tuyển dụng và niêm yết tại trụ sở, đăng báo, sau đó áp dụng hình thức thi tuyển.

- Các chi nhánh không thu phí tuyển dụng người lao động, nhận tài sản hoặc tiền đặt cọc của người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động.

- Các chi nhánh không giữ bản chính văn bằng, chứng chỉ gốc hoặc giấy tờ tùy thân của người lao động.

- Các chi nhánh không tổ chức đào tạo, học nghề, tập nghề cho người lao động (người lao động sau khi được tuyển vào làm việc tại doanh nghiệp sẽ được ký hợp đồng thử việc, sau đó sẽ được ký hợp đồng lao động).

- Các chi nhánh áp dụng thời gian thử việc theo quy định của pháp luật lao động.

- Trong thời kỳ thanh tra, chi nhánh Hải Phòng tuyển dụng 02 lao động và giảm 40 lao động; chi nhánh Hồ Chí Minh tuyển dụng 01 lao động và giảm 07 lao động.

3. Thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra).

- Số người không thuộc diện phải ký hợp đồng lao động: 10 người (hội đồng thành viên, Ban tổng giám đốc, kế toán trưởng, kiểm soát viên).

** Tại Văn phòng Công ty mẹ*

- Số người không thuộc diện phải ký hợp đồng lao động: 10 người (Hội đồng thành viên, Ban tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên).

- Số người thuộc đối tượng phải ký hợp đồng lao động: 169 người.

- Đã ký hợp đồng lao động với 169/169 người thuộc đối tượng phải ký kết hợp đồng lao động, chia ra:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 165 người;

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng: 04 người.

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng: Không.

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn dưới 03: Không.

+ Hợp đồng lao động làm việc không trọn thời gian: Không.

- Số lao động thuê lại: Không.

- Số lao động bị mất việc làm của Văn phòng Tổng công ty từ 01/01/2017 đến thời điểm ngày 30/6/2019: 18 người, đã chi trả tiền trả trợ cấp mất việc làm: 836.488.251 đồng và báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước khi cho nhiều người lao động mất việc làm.

- Trong thời kỳ thanh tra, tại Văn phòng Tổng Công ty có 13 lao động thôi việc, có 11/13 người đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc, đã được chi trả với tổng số tiền là 193.843.650 đồng.

** Tại chi nhánh Hải Phòng*

- Số người thuộc đối tượng phải ký hợp đồng lao động: 20 người; đã ký hợp đồng lao động với 20/20 người thuộc đối tượng phải ký hợp đồng lao động, trong đó:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 18 người;

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng: 02 người.

- Tại thời điểm thanh tra, chi nhánh không thuê lại lao động.

- Trong thời kỳ thanh tra có 12 lao động bị mất việc làm, đã thực hiện trả trợ cấp mất việc làm với tổng số tiền: 921.110.875 đồng.

- Trong thời kỳ thanh tra, có 31 lao động thôi việc; có 07/31 người đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc, đã được chi trả với tổng số tiền là 410.270.000 đồng.

** Tại chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh*

- Số người thuộc đối tượng phải ký hợp đồng lao động: 14 người; đã ký hợp đồng lao động với 14/14 người thuộc đối tượng phải ký kết hợp đồng lao động, trong đó:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 13 người;

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng: 01 người.

- Tại thời điểm thanh tra, chi nhánh không thuê lại lao động.

- Trong thời kỳ thanh tra, có 03 lao động bị mất việc làm, đã thực hiện trả trợ cấp mất việc làm với tổng số tiền: 192.822.200 đồng.

- Trong thời kỳ thanh tra, có 04 lao động thôi việc và không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và Thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT)

** Tại Văn phòng Công ty mẹ*

Đã thực hiện đối thoại trực tiếp tại nơi làm việc định kỳ 03 tháng/lần và xây dựng TULĐTT, ký ngày 23/4/2019 và gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội ngày 10/5/2019. Nội dung của TULĐTT tại Điều 27, quy định có lợi hơn so với Bộ luật Lao động, cụ thể: Lao động nữ sinh con ngoài mọi quyền lợi theo quy định được hỗ trợ thêm 4 tháng lương tối thiểu vùng và 1.000.000 đồng.

** Tại chi nhánh Hải Phòng*

- Đã tổ chức định kỳ đối thoại với người lao động 03 tháng một lần. Việc đối thoại đã được lập thành biên bản và có xác nhận của các bên tham gia đối thoại.

- Đã tổ chức tiến hành thương lượng theo định kỳ và ký TULĐTT.

- TULĐTT đã ký có các nội dung có lợi hơn cho người lao động, cụ thể: tại Điều 44, chế độ trợ cấp và thăm hỏi, các phúc lợi khác quy định: Người lao động kết hôn được trợ cấp 500.000 đồng/người; người lao động ốm được hỗ trợ 1 triệu đến 3 triệu đồng/người; chi thăm viếng thân nhân người lao động 1 triệu và 01 vòng hoa.

- Đã gửi TULĐTT đến Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hải Phòng ngày 10/5/2019.

** Tại chi nhánh Hồ Chí Minh*

- Đã tổ chức định kỳ đối thoại với người lao động 03 tháng một lần.

- Việc đối thoại đã được lập thành biên bản và có xác nhận của các bên tham gia đối thoại.

- Việc thương lượng, ký kết TULĐTT: Đã tổ chức tiến hành thương lượng theo định kỳ và ký TULĐTT ngày 06/6/2017.

- Đã gửi TULĐTT đến Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/6/2019.

5. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi

- Các đơn vị áp dụng thời giờ làm việc trong điều kiện lao động bình thường: 08 giờ/ngày, 40 giờ/tuần, ngày nghỉ hàng tuần là Thứ bảy, Chủ nhật và đã bố trí để người lao động được nghỉ bình quân 08 ngày/tháng.

- Việc thực hiện giảm thời giờ làm việc hàng ngày, hàng tuần trong điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: Không phát sinh.
- Các đơn vị được thanh tra không huy động người lao động làm thêm giờ.
- Các đơn vị được thanh tra đã thực hiện đúng quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi cho người lao động.
- Các đơn vị được thanh tra đã thực hiện đúng quy định về nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương.
- Các đơn vị được thanh tra đã áp dụng số ngày nghỉ hàng năm đối với lao động làm công việc bình thường: 12 ngày và cứ 05 năm công tác được nghỉ thêm 01 ngày.

6. Tiền lương và thu nhập

6.1. Công tác quản lý tiền lương và thu nhập của người lao động

6.1.1. Việc xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và định mức lao động

- Văn phòng Tổng công ty đã xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương ban hành kèm theo Quyết định số 283/QĐ-HHVN ngày 24/6/2016 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

- Chi nhánh Hải Phòng thực hiện hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và thực hiện chuyển xếp lương đối với người lao động theo Quyết định số 283/QĐ-HHVN ngày 24/6/2016 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc ban hành tạm thời Quy định hệ thống bảng lương, phụ cấp lương của Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

- Chi nhánh Hồ Chí Minh thực hiện hệ thống thang lương, bảng phương, phụ cấp lương và thực hiện chuyển xếp lương đối với người lao động theo Quyết định số 283/QĐ-HHVN ngày 24/6/2016 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc ban hành tạm thời Quy định hệ thống bảng lương, phụ cấp lương của Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

- Văn phòng Công ty mẹ đã gửi thang lương, bảng lương đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội tại Văn bản số 875/HHVN-TCTL ngày 05/7/2016 của Tổng giám đốc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về đăng ký thang lương, phụ cấp lương.

- Chi nhánh Hải Phòng đã gửi hệ thống thang lương, bảng lương đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (Công văn số 98/CV-VNLHP, ngày 10/8/2016).

- Chi nhánh Hồ Chí Minh đã gửi hệ thống thang lương, bảng lương đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh (Công văn số 70/VNLHCM, ngày 26/7/2016).

- Hệ số lương bình quân (HSLBQ) theo thang lương, bảng lương của người lao động tại Văn phòng Công ty mẹ:

Nội dung	Năm 2017		Năm 2018	
	Số lao động	HSLBQ	Số lao động	HSLBQ
Người quản lý DN	10	7,67	11	7,58
Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	509	2,3	463	2,4
Công nhân trực tiếp SXKD	857	2,0	736	2,15
Nhân viên thừa hành phục vụ	31	1,44	30	1,55

- Hệ số phụ cấp lương bình quân (HSPCBQ) của Văn phòng Công ty mẹ:

Nội dung	Năm 2017		Năm 2018	
	Số lao động	HSPCBQ	Số lao động	HSPCBQ
Chức vụ	63	0,21	57	0,21

- Hệ số lương bình quân (HSLBQ) theo thang lương, bảng lương của người lao động tại Văn phòng Tổng công ty:

Nội dung	Năm 2017		Năm 2018	
	Số lao động	HSLBQ	Số lao động	HSLBQ
Người quản lý DN	10	7,67	11	7,58
Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	194	2,13	187	2,3
Công nhân trực tiếp SXKD	-	-	-	-
Nhân viên thừa hành phục vụ	14	1,65	14	1,67

- Hệ số phụ cấp lương bình quân (HSPCBQ) tại Văn phòng Tổng công ty:

Nội dung	Năm 2017		Năm 2018	
	Số lao động	HSPCBQ	Số lao động	HSPCBQ
Chức vụ	51	0,21	47	0,21

- Hệ số lương bình quân (HSLBQ) được xếp theo thang, bảng lương tại Chi nhánh Hải Phòng:

Nội dung	Năm 2017		Năm 2018	
	Số lao động	HSLBQ	Số lao động	HSLBQ
Lao động quản lý	9	2,37	7	2,61
Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	11	1,75	10	1,74
Công nhân trực tiếp SXKD	28	1,65	20	1,58
Nhân viên thừa hành, phục vụ	1	1.40	1	1.40

- Hệ số phụ cấp lương bình quân tại Chi nhánh Hải Phòng:

Các loại phụ cấp	Năm 2017		Năm 2018	
	Số người	HSPCBQ	Số người	HSPCBQ
Chức vụ	9	0,15	7	0,17
Trách nhiệm	1	0,1	1	0,1
Thâm niên	2	0,04	1	0,05

- Hệ số lương cấp bậc bình quân xếp theo thang lương, bảng lương tại Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Nội dung	Năm 2017		Năm 2018	
	Số lao động	HSLBQ	Số lao động	HSLBQ
Lao động quản lý	05	2,14	05	2,21
Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	15	1,75	14	1,76
Công nhân trực tiếp SXKD	0	0	0	0
Nhân viên thừa hành, phục vụ	0	0	0	0
Tổng số	20		19	

- Hệ số phụ cấp lương bình quân (HSPCLBQ) tại Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Các loại phụ cấp	Năm 2017		Năm 2018	
	Số người	HSLBQ	Số người	HSLBQ
Chức vụ	05	0,164	05	0,164
Trách nhiệm	01	0,1		0,1
Bình quân chung		0,153		0,153

6.1.2. Quỹ tiền lương và thực hiện phân phối quỹ tiền lương

- Quỹ tiền lương kế hoạch: Hằng năm, Tổng Giám đốc Tổng công ty đã xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động, trình Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam phê duyệt.

+ Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2017: 219,963 tỷ đồng, trong đó Chi nhánh Hải Phòng là 4.970 triệu đồng; Chi nhánh Hồ Chí Minh là 2.700 triệu đồng.

+ Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2018: 211,202 tỷ đồng, trong đó Chi nhánh Hải Phòng là 2.489 triệu đồng, Chi nhánh Hồ Chí Minh là 2.300 triệu đồng.

- Quỹ tiền lương thực hiện: Hằng năm, Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã xây dựng quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, trình Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam phê duyệt.

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2017: 211,202 tỷ đồng, trong đó Chi nhánh Hải Phòng là 3.093 triệu đồng, Chi nhánh Hồ Chí Minh là 2.028 triệu đồng.

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018: 211,200 tỷ đồng, trong đó Chi nhánh Hải Phòng là 2.479 triệu đồng, Chi nhánh Hồ Chí Minh là 2.021 triệu đồng.

- Tổng Công ty đã xây dựng, báo cáo quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện thực hiện năm 2017, quỹ tiền lương kế hoạch năm 2018 của Tổng Công ty với Bộ Giao thông Vận tải; Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 báo cáo Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước.

- Việc phân phối tiền lương của người lao động

Căn cứ vào các quy định của pháp luật và các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh và kết quả phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện, Công ty mẹ quyết toán tiền lương cho người lao động:

+ Năng suất lao động kế hoạch bình quân năm 2017 là 217,04 triệu đồng/người/tháng, năng suất lao động thực hiện bình quân năm 2017 là 372,82 triệu đồng/người/tháng, bằng 171,77% năng suất lao động bình quân kế hoạch.

+ Năng suất lao động kế hoạch bình quân năm 2018 là 145,8 triệu đồng/người/tháng, năng suất lao động thực hiện bình quân năm 2018 là 237,88 triệu đồng/người/tháng, bằng 163,2% năng suất lao động bình quân kế hoạch.

+ Tiền lương kế hoạch bình quân năm 2017 là 12,37 triệu đồng/người/tháng, tiền lương thực hiện bình quân năm 2017 là 12,37 triệu đồng/người/tháng, bằng 100% tiền lương bình quân kế hoạch.

+ Tiền lương kế hoạch bình quân năm 2018 là 12,37 triệu đồng/người/tháng, tiền lương thực hiện bình quân năm 2018 là 14,14 triệu đồng/người/tháng, bằng 114,27% tiền lương bình quân kế hoạch.

- Năm 2017 năng suất lao động thực hiện và lợi nhuận thực hiện tăng so với kế hoạch, doanh nghiệp xác định tiền lương thực hiện năm 2017 bằng kế hoạch. Năm 2018, chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch của doanh nghiệp lỗ, nhưng đã có văn bản giải trình nguyên nhân khách quan làm giảm lợi nhuận kế hoạch, năng suất lao động báo cáo Bộ Giao thông Vận tải (Tờ trình số 2024/TTr-HHVN ngày 09/11/2018) để xác định tiền lương kế hoạch năm 2018 bằng tiền lương thực hiện năm 2017. Việc xác định tiền lương thực hiện năm 2018 của Người lao động (các chỉ tiêu lợi nhuận có lãi, năng suất lao động tăng so với kế hoạch), đơn vị đã báo cáo Ủy Ban Quản lý vốn Nhà nước (Tờ trình số 1758/TTr-HHVN ngày 02/8/2019) để quyết toán tiền lương thực hiện năm 2018 tăng 14,27% trên cơ sở năng suất lao động tăng 137,88%.

- Tại Chi nhánh Hải Phòng đã phân phối tiền lương cho người lao động theo quy chế, cụ thể:

+ Tiền lương thực hiện bình quân năm 2017 là 5,05 triệu đồng/người/tháng, năm 2018 là 5,3 triệu đồng/người/tháng, bằng 105% tiền lương thực hiện bình quân năm 2017.

+ Năng suất lao động thực hiện bình quân năm 2017 là 138,14 triệu đồng/người/năm, năm 2018 là 89,23 triệu đồng/người/năm, bằng 65% năng suất lao động bình quân thực hiện năm 2017.

- Tại Chi nhánh Hồ Chí Minh đã phân phối tiền lương cho người lao động theo quy chế, cụ thể:

+ Tiền lương thực hiện bình quân năm 2017 là 8,5 triệu đồng/người/tháng, năm 2018 là 9,4 triệu đồng/người/tháng, bằng 111% tiền lương thực hiện bình quân năm 2017.

+ Năng suất lao động thực hiện bình quân năm 2017 là 159 triệu đồng/người/năm, năm 2018 là 174 triệu đồng/người/năm, bằng 109% năng suất lao động bình quân thực hiện năm 2017.

- Chi nhánh Hải Phòng thực hiện nâng bậc, nâng ngạch lương căn cứ theo Quyết định 283/QĐ-HHVN, ngày 24/06/2016 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam. Số người nâng bậc lương, nâng ngạch lương hàng năm, như sau:

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018
Số người được nâng bậc lương	07	13
Số người được nâng ngạch lương/thay đổi ngạch lương	01	
Tổng số	08	13

- Chi nhánh Hồ Chí Minh thực hiện nâng bậc, nâng ngạch lương căn cứ theo Quyết định 283/QĐ-HHVN, ngày 24/6/2016 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam. Số người nâng bậc lương, nâng ngạch lương hàng năm, cụ thể:

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018
Số người được nâng bậc lương	01	02
Số người được nâng ngạch lương/thay đổi ngạch lương	0	01
Tổng số	01	03

- Các đơn vị được thanh tra đã trả lương cho người lao động làm việc vào ngày nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương theo quy định.

- Trong thời kỳ thanh tra, tại các đơn vị được thanh tra không có lao động bị ngừng việc; không phát sinh tiền lương làm thêm giờ, làm vào ban đêm, làm vào ngày nghỉ lễ, tết.

- Các đơn vị được thanh tra đã trả lương những ngày chưa nghỉ hàng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm cho người lao động.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: Không phát sinh.

- Việc khấu trừ tiền lương của người lao động: Không phát sinh.

6.1.3. Quy chế trả lương, quy chế khen thưởng và trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi

- Văn phòng Công ty mẹ đã xây dựng quy chế trả lương ban hành kèm theo Quyết định số 881/QĐ-HHVN ngày 30/10/2012 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty.

- Chi nhánh Hải Phòng thực hiện quy chế trả lương theo quyết định số 14/QĐ-VNLHP-TCTL, ngày 12/02/2014 và không có quỹ khen thưởng, phúc lợi.

- Chi nhánh Hồ Chí Minh đã xây dựng quy chế trả lương ban hành kèm theo tại Công văn số 360/VNLHCM-TCTL ngày 20/12/2010 và Tờ trình số 192/TTr-VNLHCM-TCTL ngày 09/6/2011.

6.1.4. Các khoản thu nhập khác

* Tại Văn phòng Công ty mẹ

- Tiền ăn ca: 680.000 đồng/người/tháng, được trả cùng kỳ thanh toán tiền lương tháng cho người lao động.

- Các khoản phụ cấp khác: Không.

- Tiền lương theo hệ thống thang lương, bảng lương:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017			Năm 2018		
			Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
1	Tiền lương	Triệu đồng/ng/tháng	11,75	7,34	4,55	12,15	7,8	4,75

- Tiền lương và thu nhập bình quân thực tế của người lao động như sau:

+ Tiền lương và thu nhập bình quân chung tại Công ty mẹ:

Đơn vị tính: tr. đồng/người/tháng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017			Năm 2018		
		Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
1	Tiền lương	80	12,35	4.5	100	14,14	5.0
2	Thu nhập	80	13	4.5	100	14,5	5.0

+ Tiền lương và thu nhập bình quân của người lao động tại Văn phòng

Tổng công ty:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017			Năm 2018		
		Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
1	Tiền lương	25	12,37	6,4	26	14,3	6,9
2	Thu nhập	25,7	13	6,9	26,6	14,7	7,4

* Tại chi nhánh Hải Phòng

- Tiền ăn ca: 20.000 đồng/người/ngày, thanh toán tiền ăn ca cùng với kỳ lĩnh lương hằng tháng.

- Các khoản phụ cấp khác: Phụ cấp trách nhiệm.

- Tiền lương và thu nhập bình quân thực tế của người lao động:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017			Năm 2018		
			Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
1	Tiền lương	Triệu đồng/người/tháng	14,1	5,05	3,44	16,47	5,3	3,92
2	Thu nhập	Triệu đồng/người/tháng	14,1	5,05	3,44	16,47	5,3	3,92

* *Tại chi nhánh Hồ Chí Minh*

- Tiền ăn ca:

+ Mức: 680.000 đồng/người/tháng.

+ Tổng tiền ăn ca năm 2017: 143.771.000 đồng.

+ Tổng tiền ăn ca năm 2018: 130.456.000 đồng.

- Tiền lương và thu nhập bình quân chung:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017			Năm 2018		
			Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
1	Tiền lương	Triệu đ/ng/tháng	17,986	8,522	4,935	18,762	9,446	5,799
2	Thu nhập	Triệu đ/ng/tháng	17,986	8,522	4,935	18,762	9,446	5,799

6.2. Tiền lương, thu nhập của người quản lý

6.2.1. Tiền lương

- Tổng Công ty đã thực hiện báo cáo quỹ tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương thực hiện với chủ sở hữu là Bộ Giao thông Vận tải, hiện nay là Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

- Số lượng người quản lý chuyên trách tại thời điểm thanh tra là 10 người, trong đó: Hội đồng thành viên chuyên trách: 05 người, Ban Tổng Giám đốc: 05 người.

- Người quản lý không chuyên trách: 01 kiểm soát viên của Chủ sở hữu.

- Phân phối tiền lương đối với người quản lý

Tiền lương thực hiện của người quản lý:

Đơn vị tính: tr. đồng/người/tháng

Nội dung	Năm 2017			Năm 2018		
	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
Tiền lương	51.41	40.2	31.74	44	32.0	29.99

- Hội đồng thành viên Tổng Công ty đã xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý, hàng năm báo cáo Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp xem xét, quyết định.

- Quỹ tiền lương kế hoạch: Hằng năm, Hội đồng thành viên Tổng Công ty đã xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý, trình Chủ sở hữu phê duyệt.

+ Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2017 theo Tờ trình số 3162/TTr-HHVN ngày 28/11/2017 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam trình Bộ Giao thông vận tải là 4,258 tỷ đồng.

+ Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2018 theo Tờ trình số 3024/TTr-HHVN ngày 09/11/2018 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam là 5,421 tỷ đồng.

- Quỹ tiền lương thực hiện: Hằng năm, Hội đồng thành viên Tổng Công ty đã xây dựng quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý, trình Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước phê duyệt.

+ Quyết định số 1308/QĐ-BGTVT ngày 21/6/2018 phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2017 của người quản lý, Kiểm soát viên của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam: 3,902 tỷ đồng.

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đã trình Bộ Giao thông Vận tải và Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Tờ trình số 1758/TTr-HHVN ngày 02/8/2019 là: 4,665 tỷ đồng.

Tiền lương của Ban kiểm soát, Tổng Công ty đã chuyển tiền về Bộ Giao thông vận tải để Bộ chuyển cho Ban Kiểm soát.

- Thù lao của người quản lý không chuyên trách: Tổng Công ty không có người quản lý không chuyên trách nên không có quỹ thù lao.

6.2.2. Tiền thưởng

- Trích lập quỹ khen thưởng của người quản lý: Tổng công ty không trích lập quỹ khen thưởng người quản lý năm 2017, 2018 do lợi nhuận phải bù lỗ lũy kế các năm trước.

- Các khoản thu nhập khác: Không.

6.3. Thù lao của người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp khác

- Tổng nguồn vốn tham gia góp vốn tại các doanh nghiệp khác là 8.450.947.299.329 đồng.

- Số doanh nghiệp đã được tham gia góp vốn là 39 doanh nghiệp.

- Số lượng người được cử làm đại diện phần vốn của Tổng Công ty là 80 người.

- Việc sử dụng quỹ thù lao thu về của người được cử làm đại diện phần vốn tại doanh nghiệp khác:

Đã xây dựng quy chế quản lý quỹ thù lao, tiền thưởng đối với người được cử làm kiểm soát viên, đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 599/QĐ-HHVN ngày 31/12/2016 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty. Theo quy định tại quy chế: Người đại diện kiêm nhiệm không tham gia chuyên trách trong ban quản lý, điều hành doanh nghiệp có các khoản thu nhập như tiền thù lao, tiền thưởng tại doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty có trách nhiệm nộp toàn bộ các khoản thu nhập đó cho Tổng công ty hoặc thông báo cho doanh nghiệp để doanh nghiệp chuyển trực tiếp về Tổng công ty để Tổng công ty thực hiện chi trả cho người đại diện gắn với mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và của Tổng công ty.

7. Quy định chung về an toàn lao động, vệ sinh lao động

- Các đơn vị không có lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Các đơn vị không có lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; lao động làm các công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Các đơn vị đã lập kế hoạch hàng năm về an toàn, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động.

- Việc lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên: Không phát sinh.

- Các đơn vị đã bố trí 01 cán bộ chuyên trách và 02 cán bộ bán chuyên trách làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- Các đơn vị đã ký hợp đồng với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để chăm sóc sức khỏe cho người lao động theo quy định.
- Các đơn vị đã cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.
- Xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc: Không phát sinh.
- Thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện lao động nguy hiểm, độc hại: Không phát sinh.
- Các đơn vị đã khám sức khỏe định kỳ cho người lao động; đã lập hồ sơ quản lý, theo dõi sức khỏe người lao động.
- Lập hồ sơ theo dõi người lao động bị bệnh nghề nghiệp: Không phát sinh.
- Các đơn vị đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.
- Tổng số các loại máy, vật tư, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng tại các đơn vị: 07 thang máy đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và còn hạn kiểm định.
- Tổng số vụ tai nạn lao động trong thời kỳ thanh tra: Không.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ, lao động cao tuổi, lao động là người khuyết tật

- Văn phòng Công ty mẹ và các chi nhánh sử dụng 115 lao động nữ. Các đơn vị đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm: Không bố trí lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên, nuôi con dưới 12 tháng tuổi đi công tác xa nhà, làm việc vào ban đêm và làm thêm giờ; lao động nữ trong thời gian hành kinh mỗi ngày được nghỉ 30 phút được hưởng nguyên lương, phụ nữ nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi được nghỉ mỗi ngày 60 phút để cho con bú hưởng nguyên lương, làm việc tại những nơi có yếu tố nguy hiểm, nặng nhọc, độc hại.
- Trong kỳ thanh tra, không có lao động nữ bị xử lý kỷ luật lao động, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.
- Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.
- Đã đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.
- Trong thời kỳ thanh tra, không sử dụng lao động là người cao tuổi, lao động là người khuyết tật.

8.2. Đối với lao động là người nước ngoài

Trong kỳ thanh tra, tại các đơn vị không sử dụng lao động là người nước ngoài.

8.3. Đối với lao động chưa thành niên: Trong kỳ thanh tra, không sử dụng lao động chưa thành niên.

9. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Các đơn vị đã xây dựng nội quy lao động và đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương theo quy định: Văn phòng Tổng công ty; Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên tại thành phố Hải Phòng; Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Trong kỳ thanh tra, tại các đơn vị không phát sinh vụ việc xử lý kỷ luật lao động, không có trường hợp phải bồi thường trách nhiệm vật chất.

10. Tranh chấp lao động

Trong kỳ thanh tra, tại các đơn vị không phát sinh tranh chấp về lao động và đình công.

11. Bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN)

** Tại Văn phòng Công ty mẹ*

- Số lao động thuộc đối tượng tham gia BHTN, BHYT, BHXH: 179 người.
- Số lao động đã tham gia: 179 người.
- Đã thực hiện các chế độ BHXH đối với người lao động.
- Tiền BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động được trích lập theo mức lương chức danh công việc (tiền lương theo hệ số lương trong hệ thống thang lương, bảng lương đã đăng ký).
- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp không chậm nộp tiền BHTN, BHYT, BHXH.

** Tại chi nhánh Hải Phòng*

- Số người thuộc đối tượng tham gia BHTN, BHYT, BHXH, trong đó:
 - + Số người đã tham gia: 20 người.
 - + Số người chưa tham gia: 0 người.
- Số BHXH đã được cấp: 20 sổ
- Đã trả sổ BHXH cho người lao động khi người lao động thôi việc.
- Tiền BHXH, BHYT, BHTN đóng cho người lao động được trích lập theo mức lương chức danh công việc (tiền lương theo hệ số lương trong hệ thống thang lương, bảng lương đã đăng ký với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng).
- Tại thời điểm thanh tra, chi nhánh không chậm nộp tiền BHTN, BHYT, BHXH.

** Tại chi nhánh Hồ Chí Minh*

- Số người thuộc đối tượng tham gia BHYT, BHXH, trong đó:
 - + Số người đã tham gia: 14 người.
 - + Số người chưa tham gia: 0 người.
- Số BHXH đã được cấp: 14 sổ.
- Đã thực hiện trả sổ BHXH cho người lao động khi thôi việc.
- Tiền BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động được trích lập theo mức lương chức danh công việc (tiền lương theo hệ số lương trong hệ thống thang lương, bảng lương đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền).
- Tại thời điểm thanh tra, chi nhánh không chậm nộp tiền BHTN, BHYT, BHXH.

12. Khiếu nại về lao động: Trong kỳ thanh tra, không có khiếu nại về lao động.

III. NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG CHƯA ĐƯỢC DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN HOẶC THỰC HIỆN CHƯA ĐẦY ĐỦ

** Tại Văn phòng Công ty mẹ:*

1. Chưa báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 6 tháng đầu năm và hàng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương theo quy định

tại Điều 6 Bộ luật Lao động năm 2012, Điều 8 Nghị định số 03/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ, hướng dẫn tại Điều 6 Thông tư số 23/2014/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Các bản hợp đồng lao động đã ký với người lao động chưa ghi chi tiết (kiểm tra hợp đồng lao động: Trần Thị Hương, Phạm Trung Kiên, Nguyễn Minh Lan), nội dung hợp đồng lao động tại mục trang bị bảo hộ lao động ghi “theo chế độ hiện hành của nhà nước” là chưa đúng quy định tại Điều 23 Bộ luật Lao động năm 2012, Điều 4 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định số 148/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ.

3. Thời gian xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện chưa theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

4. Thời gian xây dựng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý chưa theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

5. Năm 2019, chưa tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho 179 người lao động thuộc Văn phòng Tổng công ty theo quy định tại Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động; Chương III Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

6. Chưa tổ chức quan trắc môi trường lao động ít nhất một lần trong năm theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

7. Chưa giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho lao động nữ quy định tại Điều 154 Bộ luật Lao động năm 2012.

8. Một số nội dung Nội quy lao động chưa quy định chi tiết, cụ thể:

+ Khoản 6 Điều 22 chưa quy định cụ thể danh mục bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh.

+ Khoản 1, Khoản 2 Điều 24 quy định kỷ luật khiển trách bằng miệng khi người lao động không chấp hành Khoản 1,2,3 và 4 Điều 22 chưa đúng quy định tại Khoản 3 Điều 124 Bộ luật Lao động (quyết định xử lý kỷ luật lao động phải được ban hành và gửi đến các cá nhân, tổ chức có liên quan theo quy định tại Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 148/2018/NĐ-CP).

+ Khoản 2 Điều 26 quy định kỷ luật sa thải người lao động có hành vi tiết lộ bí mật kinh công nghệ, bí mật kinh doanh, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng về tài sản, lợi ích của của Tổng công ty nhưng chưa quy định được cụ thể các danh mục được coi là quyền sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động; chưa quy định cụ thể các hành vi được coi là đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng về tài sản, lợi ích của của Tổng công ty

để xử lý kỷ luật” là chưa đúng quy định tại Điều 119, Điều 125 Bộ luật Lao động, Điều 27 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ.

** Tại chi nhánh Hải Phòng:*

9. Chưa báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 6 tháng đầu năm và hàng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương theo quy định tại Điều 6 Bộ luật Lao động, Điều 8 Nghị định số 03/2014/NĐ-CP ngày 16/01/2014 của Chính phủ; Điều 6 Thông tư số 23/2014/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

10. Chưa báo cáo định kỳ hàng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương theo quy định tại Điều 7 Luật An toàn, vệ sinh lao động; Thông tư số 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

11. Chưa báo cáo định kỳ về tình hình tai nạn lao động 06 tháng đầu năm và hàng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương theo quy định tại Điều 36 Luật An toàn vệ sinh lao động; Điều 24 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

12. Kiểm tra 03 bản hợp đồng lao động (Nguyễn Thị Kim Chi, Bùi Xuân Trường, Vũ Lập Đức), nội dung của hợp đồng ghi chưa cụ thể: Mục công việc phải làm ghi “do trưởng phòng kinh doanh khách sạn phân công”; địa điểm làm việc ghi “phòng kinh doanh khách sạn”, hình thức trả lương ghi “bằng tiền mặt hoặc thẻ”, mục bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp ghi “theo quy định của nhà nước” là chưa đúng quy định tại Điều 23 Bộ luật Lao động, Điều 4 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định số 148/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ.

13. Chưa tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho 17 người theo quy định tại Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động, quy định tại Điều 21 Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

14. Chưa tổ chức quan trắc môi trường lao động theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

15. Chưa giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho lao động nữ theo quy định tại Điều 154 Bộ luật Lao động.

16. Chưa đăng ký Nội quy lao động với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 120 Bộ luật Lao động.

17. Khoản 1 Điều 24 Nội quy lao động có nội dung quy định “ kỷ luật sa thải người lao động có hành vi tiết lộ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động hoặc đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng về tài sản, lợi ích của người sử dụng lao động” nhưng không quy định được danh mục bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, hành vi nào được coi là xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động cũng như hành vi nào được coi là đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng về tài sản, lợi ích của doanh nghiệp để xử lý kỷ luật là không đúng quy định tại Điều 119 Bộ luật Lao động, Điều 27 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ và Nghị định số 148/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ.

* *Tại Chi nhánh Hồ Chí Minh:*

18. Kiểm tra hợp đồng lao động (Nguyễn Thị Hồng, Vũ Thị Hồng Sen, Nguyễn Thị Thu Quỳnh), nội dung của hợp đồng ghi chưa cụ thể: Mục công việc phải làm ghi “theo sự phân công của ông giám đốc chi nhánh”, mục thời giờ làm việc ghi “theo chế độ hiện hành của nhà nước, Thông tư số 07/LĐTBXH ngày 11/4/1995 của Bộ LĐTBXH” là chưa đúng quy định tại Điều 23 Bộ luật Lao động, Điều 4 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định số 148/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ.

19. Nội dung của TULĐTT chủ yếu nêu lại pháp luật lao động là chưa đảm bảo theo quy định tại Khoản 2 Điều 73 Bộ luật Lao động.

20. Chưa tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho 14 người theo quy định Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

21. Chưa tổ chức quan trắc môi trường lao động theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

22. Chưa tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động; khám sức khỏe cho lao động nữ theo quy định tại Điều 21 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

23. Nội quy lao động chưa đăng ký với Cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương theo quy định tại Điều 120 Bộ luật Lao động.

24. Nội quy lao động còn có một số nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể:

+ Chưa quy định cụ thể các hành vi để áp dụng khi xử lý kỷ luật lao động.

+ Khoản 1 Điều 23 quy định kỷ luật sa thải người lao động có hành vi tiết lộ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động hoặc đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng về tài sản, lợi ích của người sử dụng lao động nhưng không quy định danh mục bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, hành vi nào được coi là xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động cũng như hành vi nào được coi là đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng về tài sản, lợi ích của doanh nghiệp để xử lý kỷ luật là không đúng quy định tại Điều 119 Bộ luật Lao động, Điều 27 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ.

IV. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu Tổng giám đốc Công ty Hàng hải Việt Nam khắc phục sai phạm/thiếu sót nêu tại phần III như sau:

1. Tổ chức khắc phục sai phạm số 3, 4 khi phát sinh; khắc phục sai phạm số 1, 2, 7, 8 trong vòng 30 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận này; khắc phục sai phạm số 5, 6 ngay sau khi nhận được Kết luận này; chỉ đạo rà soát toàn bộ hợp đồng lao động tại doanh nghiệp để chỉnh sửa cho phù hợp với quy định của Bộ luật Lao động.

2. Chỉ đạo Giám đốc chi nhánh Hải Phòng khắc phục các sai phạm số 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 nêu tại Kết luận này và Kết luận tại chi nhánh Hải Phòng.

3. Chỉ đạo Giám đốc chi nhánh Hồ Chí Minh khắc phục các sai phạm số 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24 nêu tại phần III Kết luận này và Kết luận tại chi nhánh Hồ Chí Minh.

4. Tổng hợp kết quả khắc phục sai phạm tại Văn phòng Công ty mẹ, chi nhánh Hải Phòng, chi nhánh Hồ Chí Minh báo cáo bằng văn bản kèm các hồ sơ, tài liệu chứng minh gửi về Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: Số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 10/01/2020./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- UBQLVNN tại doanh nghiệp;
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra;
- Lưu TTr, Hồ sơ.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Hồng Diệp